

Số: 269/BKHCN-KHTC

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch và  
dự toán ngân sách KH&CN năm 2020

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Năm 2020 là năm cuối thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012; trên cơ sở phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05/6/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN, Bộ KH&CN hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là bộ, ngành, địa phương) xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2020 như sau:

#### **A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2019**

Ngày 17/12/2018, Bộ KH&CN đã hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN năm 2019. Căn cứ các nghị quyết của Quốc hội: Số 69/2018/QH14 ngày 08/11/2018 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; số 70/2018/QH14 ngày 09/11/2018 về dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2019; Trên cơ sở thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2018; tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán 6 tháng đầu năm 2019, ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2019, các bộ, ngành, địa phương xây dựng báo cáo đánh giá theo các nội dung sau:

##### **I. Đánh giá môi trường, thể chế chính sách về KH&CN và đổi mới sáng tạo**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nội dung về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (ĐMST) trong các Luật, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Chương trình hành động của Chính phủ và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ phục vụ: Đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; cơ cấu lại nền kinh tế; thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế; quản lý nợ công; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế tư nhân và phát triển tiềm lực KH&CN. Trong đó chú trọng các nội dung:

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật (QCVN), hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

- Các cơ chế, chính sách và quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân và thông tin, thống kê KH&CN;

- Tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp ĐMST và phát triển doanh nghiệp KH&CN, lấy doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia, các sản phẩm sáng tạo phục vụ trực tiếp doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh, năng suất, chất lượng theo chuỗi giá trị;

- Nâng cao năng lực công nghệ, ĐMST và đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng trong doanh nghiệp; khuyến khích khởi nghiệp ĐMST; cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư vào doanh nghiệp ĐMST;

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách đầu tư cho KH&CN, nhất là từ doanh nghiệp;

- Cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, các vướng mắc trong thực hiện cơ chế khoán chi;

- Việc thành lập và hoạt động các Quỹ KH&CN của các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp ...; các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện;

- Cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ người dân và doanh nghiệp;

Các bộ, ngành và địa phương ngoài việc đánh giá kết quả đạt được, cần phân tích đánh giá tác động tích cực và tồn tại bất cập trong hoạt động quản lý và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật/hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách để đưa KH&CN vào phục vụ trực tiếp cho phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

## **II. Đánh giá kết quả hoạt động KH&CN và ĐMST**

Các bộ, ngành, địa phương đánh giá kết quả hoạt động KH&CN theo từng nội dung của hoạt động KH&CN và ĐMST, nêu được những kết quả nổi bật với các số liệu cụ thể minh chứng đóng góp của KH&CN, ĐMST vào phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và kinh tế - xã hội của đất nước, những tồn tại bất cập cần phải tiếp tục khắc phục để KH&CN thực sự trở thành động lực phát triển đất nước, bao gồm:

### **1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp**

a) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được giao trong các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; chỉ thị; quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ KH&CN được giao trong các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; chỉ thị; quyết định của Thủ tướng Chính phủ đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đặc biệt là các hoạt động KH&CN liên quan đến hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư nhân.

b) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

Năm 2019 là năm bứt phá để hoàn thành kế hoạch KH&CN 5 năm 2016 – 2020. Do vậy, đối với các Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 cần tổng kết đánh giá tình hình thực hiện kết quả của nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia 03 năm 2016-2018, 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2019 so với mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến của khung chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*Biểu TK1-3, Phụ lục 1*). Đánh giá cần tập trung nêu bật sự gắn kết, đóng góp của các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc các chương trình KH&CN cấp quốc gia, dự án KH&CN, nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia, nhiệm vụ quỹ gen, nhiệm vụ KH&CN theo nghị định thư; nhiệm vụ do Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tài trợ... vào tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Việc đánh giá nhằm hướng tới phục vụ tái cơ cấu các chương trình KH&CN quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp thực sự là trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia, các sản phẩm sáng tạo phục vụ trực tiếp doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh, năng suất, chất lượng theo chuỗi giá trị.

*(Danh mục các Chương trình/Đề án KH&CN cấp quốc gia tại các Phụ lục 4, Phụ lục 5, Phụ lục 6 kèm theo Công văn này)*

c) Tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở

Đánh giá kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các chương trình và nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, các chương trình phối hợp công tác với Bộ KH&CN (nếu có). Đánh giá tập trung vào đóng góp của KH&CN đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương; tình hình thực hiện các nhiệm vụ nhằm thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao chất lượng và giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh; những tồn tại, bất cập và đề xuất khắc phục (*có số liệu minh chứng cụ thể*).

## **2. Phát triển tiềm lực KH&CN**

a) Đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức KH&CN trên địa bàn được giao quản lý; tình hình thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 và Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

b) Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực KH&CN bao gồm: Chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV ngày 06/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ; đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng NSNN theo Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Kết quả phát triển hạ tầng KH&CN thuộc phạm vi được giao quản lý bao gồm: Khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; phòng thí nghiệm trọng điểm; thông tin KH&CN; tăng cường tiềm lực cho các tổ chức KH&CN...

d) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đánh giá việc triển khai Đề án nâng cao năng lực của Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo Quyết định 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

### **3. Phát triển doanh nghiệp KH&CN và thị trường KH&CN**

Đánh giá kết quả nổi bật và tồn tại của các hoạt động:

a) Hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao; hình thành và phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; Phát triển thị trường KH&CN; các hoạt động chợ công nghệ và thiết bị, kết nối cung cầu, sàn giao dịch công nghệ.

b) Hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; không gian làm việc chung, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST, các tổ chức ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm; hoạt động đào tạo khởi nghiệp ĐMST, các sự kiện nhằm kết nối, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

### **4. Các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh**

Đánh giá kết quả và những tồn tại, bất cập đối với các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, cụ thể:

a) Hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, xác lập và phát triển tài sản trí tuệ, thúc đẩy ĐMST của doanh nghiệp, ngành, địa phương. Đánh giá tổng hợp và chia theo nguồn: (i) NSNN cấp hoàn toàn; (ii) NSNN hỗ trợ thực hiện; (iii) Nguồn hoàn toàn của doanh nghiệp và xã hội (số lượng, kinh phí các nhiệm vụ và hoạt động theo nguồn).

b) Hoạt động sở hữu trí tuệ: Trong phạm vi quản lý của mình, đánh giá kết quả, thành tựu, tồn tại, hạn chế các hoạt động sau (nếu có): (i) việc triển khai thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; (ii) hoạt động hỗ trợ, xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho tổ chức, cá nhân; (iii) hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ; (iv) hoạt động hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, tài sản trí tuệ; (v) hoạt động hỗ trợ khai thác nguồn thông tin sáng chế ở trong và ngoài nước phục vụ nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh.

c) Hoạt động Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: Rà soát, soát xét, phát triển hệ thống TCVN, QCVN. Rà soát danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2. Sửa đổi các quy định về chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm tra chuyên ngành hàng hóa xuất nhập khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng;

d) Kết quả triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (theo tinh thần Chỉ thị số 16/CT-TTg); tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch cải thiện chỉ số về ĐMST (GII); mức độ sẵn sàng cho sản xuất tương lai theo Bộ chỉ số của Diễn đàn kinh tế Thế giới (WEF) thuộc trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương mình.



đ) Các quy định hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhận hỗ trợ của NSNN, các hoạt động tài trợ, cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh vay vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để ươm tạo công nghệ, phát triển ý tưởng, mô hình kinh doanh.

#### **5. Công tác đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân**

a) Kết quả triển khai nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình trong các ngành, lĩnh vực (bao gồm kết quả triển khai các quy hoạch chi tiết, các đề án, kế hoạch đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

b) Kết quả triển khai kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp quốc gia; tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở sản xuất.

#### **6. Hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN**

Kết quả triển khai các hoạt động phục vụ hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN trong các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng đổi mới công nghệ; năng lượng nguyên tử; thúc đẩy hoạt động hợp tác với các đối tác trong khu vực và thế giới về lĩnh vực KH&CN; việc thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam đối với các cam kết quốc tế, các tổ chức, diễn đàn hợp tác đa phương mà Việt Nam tham gia; kêu gọi đầu tư, thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài tham gia vào các hoạt động KH&CN và ĐMST trong nước; thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư, nhiệm vụ thuộc Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

#### **7. Hoạt động thông tin và thống kê KH&CN**

- Kết quả xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê KH&CN.
- Kết quả thực hiện hoạt động thông tin KH&CN, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin KH&CN.
- Kết quả thực hiện hoạt động thống kê KH&CN, kết quả điều tra tiềm lực KH&CN.

#### **8. Công tác cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực KH&CN**

- a) Công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.
- b) Hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng Chính phủ điện tử thực hiện Nghị quyết 36a của Chính phủ.
- c) Kết quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 đối với cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **9. Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN**

Thông kê đầy đủ, đánh giá kết quả thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư

phát triển (ĐTPT) cho KH&CN (các dự án mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, các dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, phân tích kiểm định kiểm nghiệm cho các tổ chức KH&CN, Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...). Báo cáo chi tiết về tình hình phân bổ vốn, giải ngân, khai thác sử dụng để làm căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các dự án mới trong kế hoạch năm 2020 và đề xuất kế hoạch trung hạn 2021-2025.

## **10. Hoạt động của quỹ phát triển KH&CN các cấp**

Các bộ, ngành, địa phương báo cáo về việc thành lập quỹ phát triển KH&CN, tình hình trích lập và sử dụng kinh phí, tình hình tài trợ cho các nhiệm vụ KH&CN, trong đó cần tập trung vào một số nội dung: Tình hình xây dựng mới và sửa đổi các văn bản hướng dẫn quản lý và thực hiện các nhiệm vụ của quỹ; số kinh phí đã sử dụng, số kinh phí chuyển nguồn năm sau; số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích đăng ký bảo hộ mới và các kết quả KH&CN khác; các đóng góp nổi bật về khoa học và thực tiễn của các nhiệm vụ KH&CN; đánh giá hiệu quả của việc sử dụng quỹ; những thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị hướng giải quyết.

Đối với các bộ, ngành, đơn vị quản lý các doanh nghiệp trực thuộc, báo cáo tình hình trích lập và sử dụng kinh phí của Quỹ phát triển KH&CN theo quy định của Luật KH&CN, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn luật; các đóng góp vào sự phát triển của tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp thông qua các nhiệm vụ KH&CN do quỹ tài trợ thực hiện; các kiến nghị về cơ chế, chính sách nhằm tạo thuận lợi cho việc phát huy hiệu quả của quỹ.

## **11. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN**

Đánh giá tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN:

- Các bộ, ngành, lưu ý đánh giá tình hình sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia; kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp cơ sở, chương trình KH&CN trọng điểm cấp bộ; kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN...;

- Các địa phương lưu ý đánh giá tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia (nếu có), kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thành phố, kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh (các Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Trung tâm thông tin...), tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN, chỉ cho KH&CN cấp huyện, chỉ đối ứng triển khai các nhiệm vụ KH&CN các cấp...

*(Các Biểu mẫu số liệu thống kê chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này)*

### **III. Đánh giá chung**

#### **1. Kết quả đạt được**

#### **2. Kết quả nổi bật**

+ Tác động của hệ thống thể chế, chính sách đến sự phát triển KH&CN, phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và kinh tế - xã hội của đất nước nói chung.

+ Đóng góp của KH&CN vào phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước.

+ Đóng góp của KH&CN trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

#### **3. Tồn tại, hạn chế**

Những tồn tại, vấn đề cần phải tiếp tục thực hiện để KH&CN thực sự trở thành động lực phát triển đất nước.

#### **4. Kiến nghị**

### **B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2020**

Nhiệm vụ kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2020 cần xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật KH&CN và các văn bản hướng dẫn về Luật, quy trình, thời gian, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31/12/2019; nhiệm vụ của các Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt; phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, việc xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2020 cần gắn với việc tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung về KH&CN và ĐMST trong các Luật, Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Chương trình hành động của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các nhiệm vụ khác được Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao phục vụ: Đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, cải thiện môi trường kinh doanh và sức cạnh tranh; cơ cấu lại nền kinh tế; thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế; quản lý nợ công; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế tư nhân; phát triển tiềm lực KH&CN. Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2020 cần thuyết minh cụ thể, số liệu chi tiết tổng hợp chung vào các biểu tại Phụ lục 2 kèm theo Công văn này, đáp ứng các yêu cầu sau:

#### **I. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2020**

#### **1. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển KH&CN, ĐMST**

a) Tiếp tục rà soát, kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung Luật và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến KH&CN, ĐMST để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và thúc đẩy phát triển KH&CN, ĐMST đến năm 2020, định hướng tới năm 2030, biến KH&CN và

ĐMST trở thành động lực chính của tăng trưởng, là tác nhân đột phá để đưa đất nước tiến lên.

b) Tập trung triển khai hiệu quả và đánh giá Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 và Đề án tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng góp phần phát triển kinh tế.

c) Xây dựng, tiếp tục hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao năng lực công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp: Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai các hoạt động xúc tiến công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước từ các nước tiên tiến trên thế giới; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ, tham gia hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị trong và ngoài nước.

d) Tiếp tục đề xuất, đổi mới, hoàn thiện và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đưa KH&CN, ĐMST vào phục vụ phát triển các ngành kinh tế và dịch vụ, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh tập trung vào các mặt hàng chủ lực xuất khẩu. Nâng cao hàm lượng KH&CN trong sản phẩm của các ngành nông nghiệp có tỷ trọng giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh để tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

đ) Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các chính sách để phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, hỗ trợ, thu hút đầu tư vào hoạt động khởi nghiệp ĐMST, hỗ trợ hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

## **2. Đối với hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng và hoạt động sở hữu trí tuệ**

a) Tiếp tục triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống TCVN đến năm 2020; đào tạo nâng cao năng lực xây dựng TCVN, QCVN, kiểm định viên đo lường, kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tập trung soát xét, xây dựng TCVN cho các sản phẩm, chủ lực của ngành, TCVN cho lĩnh vực đô thị thông minh, sản xuất thông minh, hiệu suất năng lượng.

b) Phát triển hệ thống chuẩn đo lường quốc gia theo quy hoạch. Đầu tư tăng cường năng lực đo lường, thử nghiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập (Trung tâm kỹ thuật TCĐLCL,...) ở trung ương và địa phương đáp ứng yêu cầu quản lý trong nước và hội nhập quốc tế.

c) Xã hội hóa hoạt động đo lường, đánh giá sự phù hợp, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; đẩy mạnh hoạt động thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp, sử dụng kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm tại nước ngoài. Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp: “Chương trình quốc gia Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”; đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập” và “Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp”.



d) Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin, cảnh báo về chất lượng sản phẩm, hàng hóa (tăng 20-30% so với cùng kỳ năm trước); rà soát, chuẩn hóa thủ tục hành chính, nâng cấp, hoàn thiện ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết 100% thủ tục hành chính mức độ 3.

đ) Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cấp hệ thống xác lập quyền sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh hoạt động thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

e) Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về tài sản trí tuệ trong hội nhập kinh tế của Việt Nam; đào tạo nguồn nhân lực về sở hữu trí tuệ, tập trung vào các viện nghiên cứu và các trường đại học; xây dựng, nhân rộng mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ tại các doanh nghiệp và tổ chức KH&CN.

### **3. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế**

Xác định đối tác chiến lược, địa bàn trọng điểm, lĩnh vực ưu tiên để hợp tác và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các đối tác trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực KH&CN; tích cực tham gia các Tổ chức quốc tế, Công ước quốc tế, Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế song phương và đa phương về KH&CN; đẩy mạnh việc tìm kiếm các nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu chung với các đối tác nước ngoài có nền khoa học phát triển để tiếp cận công nghệ hiện đại, tranh thủ sự hỗ trợ và đầu tư từ nước ngoài cho KH&CN.

### **4. Hoạt động thông tin, thống kê KH&CN và ĐMST**

Tiếp tục cập nhật, bổ sung và khai thác có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu KH&CN quốc gia và của bộ, ngành, địa phương; công khai thông tin về việc thực hiện và kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN các cấp để mọi tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận khi có nhu cầu; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội cho công tác phát triển nguồn thông tin KH&CN. Bổ sung các nguồn tin KH&CN trong nước và quốc tế có giá trị, từng bước tạo lập nền tảng tri thức KH&CN trong nước và quốc tế phong phú, đầy đủ, chính xác và cập nhật, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều tra tiềm lực KH&CN của các tổ chức KH&CN thuộc Chương trình Điều tra thống kê quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quy định và thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê ngành KH&CN theo quy định của pháp luật. Thu thập đầy đủ các chỉ tiêu thống kê KH&CN, ĐMST phục vụ hoạch định chính sách, quản lý điều hành và nhu cầu xã hội. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê KH&CN, ĐMST.

Xây dựng phương án nâng cao năng lực cho các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN tại các bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Quyết định số 1285/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

## **5. Nâng cao năng lực ĐMST, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST và phát triển thị trường KH&CN**

Phát triển toàn diện và nâng cao năng lực hệ thống ĐMST quốc gia, năng lực sáng tạo của đất nước. Nâng cao năng lực quản trị, quản lý nhà nước về ĐMST. Đảm bảo cung cấp đầy đủ các nguồn lực phát triển hệ thống ĐMST quốc gia một cách toàn diện, đồng đều và gắn kết chặt chẽ.

Thúc đẩy phát triển năng lực ĐMST trong doanh nghiệp, đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào đời sống sản xuất.

Ưu tiên xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có sự tham gia của doanh nghiệp để thúc đẩy ĐMST trong bộ, ngành, địa phương.

Phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, khuyến khích và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp bằng ĐMST, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025” (Quyết định 844/QĐ-TTg), Đề án “Hệ tri thức Việt số hóa” (Quyết định 677/QĐ-TTg); triển khai thực hiện các giải pháp để tiếp tục cải thiện chỉ số ĐMST quốc gia (GII), chỉ số sẵn sàng cho sản xuất tương lai của WEF.

Tiếp tục phát triển thị trường KH&CN, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm sáng tạo, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ nâng cao năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 của các bộ, ngành và địa phương.

## **6. Phát triển tiềm lực KH&CN**

a) Nhân lực KH&CN: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực KH&CN phù hợp với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; phát triển và phát huy đội ngũ nhân lực KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học; xây dựng các tập thể nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mạnh đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế.

b) Tổ chức KH&CN: Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống tổ chức dịch vụ KH&CN, nhất là các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; hình thành và phát triển trung tâm ĐMST, vườn ươm công nghệ, phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

c) Hạ tầng KH&CN: Tập trung nguồn lực xây dựng, thu hút đầu tư và đưa vào hoạt động có hiệu quả các khu công nghệ cao quốc gia, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; quy hoạch, đầu tư nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành đáp ứng nhu cầu hoạt động KH&CN của các ngành, các vùng, các lĩnh vực khoa học và hướng công nghệ ưu tiên; đầu tư nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố; hỗ trợ doanh nghiệp thành lập các phòng thí nghiệm, kết nối với hệ thống phòng thí nghiệm thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học; phát triển hạ tầng thông tin và thống kê KH&CN quốc gia theo hướng hiện đại hóa, đa dạng hóa.

## **7. Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực KH&CN**

a) Đơn giản hóa minh bạch quy trình và thủ tục, giảm thời gian và chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng Chính phủ điện tử thực hiện Nghị quyết 36a của Chính phủ.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành việc thực hiện các chương trình, đề tài, dự án KH&CN sử dụng vốn NSNN.

## **8. Đẩy mạnh công tác truyền thông KH&CN**

Tuyên truyền, cung cấp kịp thời các thông tin về cơ chế, chính sách và vai trò của KH&CN, ĐMST, kết quả hoạt động KH&CN, ĐMST đến các cơ quan quản lý các cấp, các ngành và nhân dân.

## **9. Triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong các ngành, lĩnh vực và hướng công nghệ ưu tiên**

Triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong các ngành, lĩnh vực và hướng công nghệ ưu tiên, cùng với việc triển khai đáp ứng các mục tiêu, nội dung của các Chương trình KH&CN cấp quốc gia, Chương trình KH&CN trọng điểm cấp bộ..., các bộ, ngành, địa phương lưu ý định hướng theo các lĩnh vực ưu tiên nêu tại Phụ lục 3 kèm theo Công văn này.

## **II. Xây dựng nhiệm vụ kế hoạch**

### **1. Xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

a) Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia (sau đây gọi là nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia)

- Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Luật KH&CN, các văn bản hướng dẫn dưới luật và tập trung để triển khai thực hiện các định hướng trọng tâm nêu tại Mục I Phần B công văn này, mục tiêu, nội dung của các Chương trình KH&CN cấp quốc gia đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (*chi tiết tại Phụ lục 5, 6 và 7 và trên Website của các chương trình quốc gia*).

- Quy trình xác định, tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014, Thông tư 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017, Thông tư 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 và các văn bản hướng dẫn quản lý cụ thể cho từng Chương trình/nhiệm vụ. Đối với nhiệm vụ KH&CN theo nghị định thư ngoài việc đáp ứng yêu cầu chung, hồ sơ đề xuất đặt hàng cần thuyết minh rõ căn cứ pháp lý, cam kết của đối tác nước ngoài cùng hợp tác thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo lợi ích của các bên, khai thác được thế mạnh về KH&CN và nguồn tài chính của các nước tiên tiến để giải quyết vấn đề KH&CN cấp thiết trong nước, về trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 12/2014/TT-BKHCN của Bộ KH&CN ngày 30/5/2015.

- Đối với những nhiệm vụ do lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trực tiếp, các bộ, ngành, địa phương chủ động tổ chức thực hiện như

nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh. Trường hợp vượt quá khả năng giải quyết của bộ, ngành và địa phương, đề nghị báo cáo lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao cho Bộ KH&CN xem xét xây dựng nhiệm vụ cấp quốc gia và tổ chức thực hiện.

- Đối với các chương trình KH&CN cấp quốc gia được giao cho các bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý, các bộ, ngành, địa phương phối hợp với Bộ KH&CN để tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Về các dự án xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao KH&CN vào nông thôn và miền núi: Nếu các tổ chức KH&CN có nhu cầu chuyển giao công nghệ cho các tỉnh, thành phố thì các bộ, ngành cần thông báo cho các tổ chức KH&CN trực thuộc làm việc với Sở KH&CN các tỉnh, thành phố để lựa chọn cơ quan chuyển giao công nghệ, cơ quan chủ trì dự án, xây dựng dự án theo hướng dẫn gửi Bộ KH&CN để xem xét tổng hợp theo tiến độ quy định.

## **2. Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở**

Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở được xây dựng đáp ứng các tiêu chí, quy trình thủ tục quy định tại Luật KH&CN, các văn bản hướng dẫn dưới luật và tập trung để triển khai thực hiện các định hướng trọng tâm nêu tại Mục I Phần B công văn này, mục tiêu, nội dung của các Chương trình KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, chương trình phối hợp công tác với Bộ KH&CN (nếu có), đồng thời tập trung để tạo chuỗi kết nối giữa các nhiệm vụ KH&CN các cấp để giải quyết các nội dung trọng tâm được nêu tại Mục I Phần B công văn này.

## **3. Xây dựng kế hoạch các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước về KH&CN và sản xuất kinh doanh**

Các bộ, ngành, địa phương căn cứ các định hướng trọng tâm nêu tại Mục I Phần B, các định hướng chính theo lĩnh vực nêu tại phụ lục 3 công văn này và nhu cầu thực tế để xây dựng và đưa vào kế hoạch năm 2019 các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước theo các lĩnh vực: Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ; ứng dụng đổi mới công nghệ; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; thông tin và thống kê KH&CN; hợp tác quốc tế về KH&CN; hình thành và phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn; thanh tra KH&CN; sử dụng và trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN, khởi nghiệp ĐMST... và các nhiệm vụ KH&CN không thường xuyên khác ở các bộ, ngành, địa phương.

## **4. Các dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN**

- Các bộ, ngành, địa phương xác định đưa vào kế hoạch 2020 các dự án cải tạo, chống xuống cấp, đầu tư tăng cường năng lực các phòng thí nghiệm theo nguyên tắc: Ưu tiên tập trung để sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng các dự án chuyển tiếp; chỉ mở mới các dự án thực sự cấp thiết và có khả năng bố trí vốn để triển khai.



- Vào thời điểm các bộ, ngành, địa phương làm việc với Bộ KH&CN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2020 (tháng 7-8/2019), các bộ, ngành, địa phương phải có thuyết minh bổ sung về các dự án có liên quan và thể hiện các dự án đó trong kế hoạch KH&CN năm 2020 của bộ, ngành, địa phương (kèm quyết định phê duyệt dự án).

### **5. Các dự án sử dụng vốn ĐTPT cho KH&CN**

Các bộ, ngành, địa phương xây dựng dự án, thẩm định, phê duyệt theo các quy định hiện hành về quản lý vốn ĐTPT để thực hiện trong kế hoạch 2020 đảm bảo nguyên tắc: Ưu tiên các dự án chuyển tiếp và trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đối tượng đầu tư phải là tổ chức KH&CN; dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, chiến lược, định hướng phát triển KH&CN của ngành, lĩnh vực và địa phương hoặc phục vụ cho việc triển khai thực hiện các nội dung thuộc các chương trình quốc gia về KH&CN do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; ngoài ra dự án cần được xem xét cụ thể với năng lực cán bộ nghiên cứu hiện có để khi triển khai dự án có đủ lực lượng cán bộ cần thiết, đảm bảo dự án đi vào hoạt động hiệu quả; tránh đầu tư chồng chéo, dàn trải, không hiệu quả. Đồng thời các bộ, ngành, địa phương cũng xây dựng và đề xuất các dự án cho kế hoạch trung hạn 2021-2025.

## **III. Dự toán chi NSNN cho hoạt động KH&CN năm 2020**

### **1. Nguyên tắc**

- Ưu tiên đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao để triển khai các nội dung KH&CN phục vụ phát triển ngành và lĩnh vực trong các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

- Căn cứ năng lực, kết quả, hiệu quả triển khai thực hiện hoạt động KH&CN và sử dụng kinh phí đã được phân bổ của 2 năm trước năm xây dựng kế hoạch KH&CN, thông qua báo cáo kết quả hoạt động KH&CN định kỳ và kết quả kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Không dàn trải, trùng lặp, phù hợp với định hướng mục tiêu chiến lược KH&CN, kế hoạch trung hạn đã được xác định. Đồng thời, không vượt quá hạn mức kinh phí năm 2020, kế hoạch tài chính NSNN 3 năm 2019 – 2021, kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 theo thông báo của Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp kết thúc trong năm 2020.

- Ưu tiên các nhiệm vụ hỗ trợ, thúc đẩy khởi nghiệp ĐMST, nâng cao năng lực ĐMST của doanh nghiệp, nâng cao năng lực tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0, dự án sản xuất thử nghiệm là kết quả nghiên cứu ứng dụng, các nhiệm vụ có sự tham gia của doanh nghiệp.

- Công khai, minh bạch.

## **2. Dự toán chi KH&CN**

- Dự toán chi NSNN cho hoạt động KH&CN của các bộ, ngành và địa phương bao gồm: Chi hoạt động thường xuyên theo chức năng; chi thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước; chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi tăng cường năng lực nghiên cứu, duy tu, bảo dưỡng, chống xuống cấp; chi ĐTPT cho KH&CN. Việc lập dự toán được tiến hành như sau:

- Đối với dự toán chi NSNN để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập thực hiện theo các quy định hiện hành các văn bản sau: Thông tư 01/2017/TT-BKHCN ngày 12/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập; Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của tổ chức KH&CN công lập.

- Các bộ, ngành, địa phương xây dựng dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển tiếp sang năm 2020; danh mục nhiệm vụ và dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN mở mới bắt đầu thực hiện từ năm 2020 đã được phê duyệt kinh phí đến tháng 6/2019; nhu cầu kinh phí dành cho các nhiệm vụ hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN năm 2020 (bao gồm dự kiến cả kinh phí để tổng kết đánh giá kết quả hoạt động KH&CN giai đoạn 2016-2020) để xác định tổng kinh phí cần thiết thực hiện cho các nhiệm vụ KH&CN năm 2020. Các bộ, ngành, địa phương cần lưu ý làm rõ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia được giao quản lý bao gồm chuyển tiếp kết thúc trong năm 2020 và mở mới (chỉ mở mới nhiệm vụ đối với các chương trình chưa kết thúc trong năm 2020).

- Dự toán chi NSNN để thực hiện các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN, dự án sử dụng vốn ĐTPT cho KH&CN được lập theo quy định hiện hành.

*(Các Biểu mẫu chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Công văn này)*

## **IV. Một số lưu ý đối với kế hoạch KH&CN năm 2020**

1. Hầu hết các Chương trình KH&CN các cấp đã được phê duyệt đều có thời hạn kết thúc vào tháng 12/2020. Do vậy, hạn chế tối đa việc phê duyệt mới các nhiệm vụ KH&CN thuộc các chương trình, chỉ phê duyệt nhiệm vụ khi đảm bảo về thời gian thực hiện để có thể tổng kết chương trình vào tháng 12/2020.

2. Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN phải bao gồm kinh phí sự nghiệp KH&CN và kinh phí ĐTPT cho KH&CN phù hợp với nội dung kế hoạch và tổng dự toán ngân sách năm 2020 của bộ, ngành, địa phương.

3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng kinh phí từ nguồn sự nghiệp KH&CN chỉ dự toán kinh phí vào kế hoạch năm 2020 những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí từ ngày 30/6/2019 trở về trước.

4. Tổng kinh phí từ NSNN dành cho KH&CN năm 2020 dự kiến sẽ không tăng nhiều so với năm 2019 (trong thời kỳ ổn định ngân sách). Do vậy các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương cần thực hiện lồng ghép, phối hợp giữa các chương trình, đề án, dự án KH&CN và các chương trình, dự án khác để tập trung và huy động nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho một số lĩnh vực KH&CN thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao chất lượng và giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm.

5. Các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo các doanh nghiệp trực thuộc, doanh nghiệp trên địa bàn quản lý báo cáo tình hình lập, trích và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN theo quy định của Luật KH&CN và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn luật, gửi Bộ KH&CN để tổng hợp.

#### **V. Tiến độ triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN năm 2020**

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 6/2019, Bộ KH&CN sẽ làm việc trực tiếp với các bộ, ngành, địa phương để trao đổi, thống nhất và định hướng về nội dung kế hoạch KH&CN năm 2020.

Trước ngày 30/6/2019, các bộ, ngành, địa phương gửi kế hoạch hoạt động KH&CN năm 2020 (02 bản) đến Bộ KH&CN.

Trường hợp các bộ, ngành, địa phương gửi kế hoạch hoạt động KH&CN năm 2020 sau ngày 30/6/2019, Bộ KH&CN sẽ không có cơ sở tổng hợp đề xuất phân bổ ngân sách KH&CN của năm 2020.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN năm 2020 nếu có những chính sách, chế độ mới ban hành, Bộ KH&CN sẽ có thông báo hướng dẫn bổ sung; nếu phát sinh vướng mắc trong công tác tổ chức thực hiện, các bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ KH&CN để kịp thời xử lý.

Bộ KH&CN hướng dẫn nội dung kế hoạch KH&CN năm 2020 để các bộ, ngành, địa phương biết và cùng phối hợp tổ chức thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các vụ/đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, KHTC.





## **DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC**

(Kèm theo Công văn số 269/BKHCN-KHTC ngày 31 tháng 01 năm 2019

của Bộ Khoa học và Công nghệ)

### **Phụ lục 1:**

*Biểu TK1-1:* Kết quả hoạt động KH&CN năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

*Biểu TK1-2:* Kết quả hoạt động KH&CN nổi bật năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

*Biểu TK1-3:* Kết quả Chương trình KH&CN cấp quốc gia 03 năm 2016-2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

*Biểu TK1-4:* Nhân lực và tổ chức KH&CN.

*Biểu TK1-5:* Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

*Biểu TK1-6:* Văn bản về KH&CN được ban hành năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.

*Biểu TK1-7:* Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đối với nhiệm vụ KH&CN

*Biểu TK1-8:* Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương

### **Phụ lục 2:**

*Biểu TK2-1:* Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình KH&CN cấp quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành năm 2020.

*Biểu TK2-2:* Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, tỉnh năm 2020.

*Biểu TK2-3:* Kế hoạch vốn đầu tư phát triển KH&CN năm 2020.

*Biểu TK2-4:* Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2020 của các bộ, ngành, cơ quan trung ương.

*Biểu TK2-5:* Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2020 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**Phụ lục 3:** Định hướng trọng tâm hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ĐMST trong các ngành, lĩnh vực và hướng công nghệ ưu tiên năm 2020.

**Phụ lục 4:** Danh mục các Chương trình/Đề án cấp quốc gia về KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Phụ lục 5:** Danh mục các Chương trình/Đề án cấp quốc gia về KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giao bộ ngành trực tiếp quản lý.

**Phụ lục 6:** Danh mục các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia.



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

| Số TT | Nội dung  | Đơn vị chủ trì, Tác giả | Tóm tắt nội dung | Ghi chú  |
|-------|---|-------------------------|------------------|--|
| I     | Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học  |                         |                  | Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus                          |
| 1     |   |                         |                  |  |
| 2     |   |                         |                  |  |
| ...   |   |                         |                  |  |
| II    | Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới |                         |                  | Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)                             |
| 1     |   |                         |                  |  |
| 2     |   |                         |                  |  |
| ...   |   |                         |                  |  |
| III   | Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành  |                         |                  | Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có... |
| 1     |   |                         |                  |  |
| 2     |   |                         |                  |  |
| ...   |   |                         |                  |  |
| IV    | Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình  |                         |                  |  |
| 1     | Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN                                      |                         |                  | Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện  |
| 2     | Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp   |                         |                  | Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ  |

|     |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|
|     |  |  |  | KH&CN; kinh phí thực hiện (chỉ rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).   |
| 3   | Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu |  |  | Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác). |
| V   | Kết quả khác   |  |  | Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả  |
| 1   |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT  
NĂM 2018 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

| STT | Tên sản phẩm/<br>công trình/công nghệ | Xuất xứ<br>(Ghi rõ xuất xứ của<br>nhiệm vụ ...) | Hiệu quả kinh tế-xã hội<br>(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản<br>phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã<br>hội, môi trường...) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|---|--|---------|
| 1   |                                       |   |  |         |
| 2   |                                       |   |  |         |
|     |                                       |   |  |         |
|     |                                       |   |  |         |